

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Sản phụ khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Sản phụ khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Hea*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



HIỆU TRƯỞNG

Hea
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 298 /QĐ-ĐHYD ngày 17 tháng 2 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa II chuyên ngành Sản phụ khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The Second Level Specialist in Obstetrics and Gynecology*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa II*
6. Ngành đào tạo: *Sản phụ khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *CK62721203*
8. Thời gian đào tạo: *2 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *02 năm liên tục*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên Khoa II chuyên ngành Sản phụ khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The Second Level Specialist in Obstetrics and Gynecology*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng thành thạo kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành Sản phụ khoa, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x		

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên sâu trong chuyên ngành sản phụ khoa đáp ứng được việc chẩn đoán, tiên lượng, điều trị, phòng bệnh các bệnh lý sản phụ khoa.			X
PEO 3	Tham gia tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Sản phụ khoa. Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 4	Làm chủ các lý thuyết khoa học thuộc lĩnh vực Sản phụ khoa, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. Suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Sản Phụ khoa một cách linh hoạt, đảm bảo đúng quy trình.	X	X	X
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Chủ động đưa ra những sáng kiến cải tiến, phán quyết và ra quyết định mang tính chuyên gia trong chuyên ngành Sản phụ khoa. Chủ động thích ứng trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật y học, nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ y tế; không ngừng học tập, nghiên cứu, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.	X	X	X

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực Sản phụ khoa.	x	
PLO 2	Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán điều trị, tiên lượng và dự phòng tất cả bệnh lý trong sản phụ khoa.		x
II. Kỹ năng			
PLO 3	Thực hiện thành thạo khám, chỉ định, sử dụng vận hành trang thiết bị y tế giúp chẩn đoán tiên lượng và xử trí các bệnh lý sản phụ khoa.		x
PLO 4	Thực hiện thành thạo các thủ thuật, phẫu thuật, kỹ thuật chuyên sâu đáp ứng được việc phòng bệnh, khám chữa bệnh trong chuyên ngành sản phụ khoa.		x
PLO 5	Tổ chức thực hiện tư vấn được cho người bệnh, gia đình và cộng đồng để phát hiện sớm, điều trị, dự phòng các bệnh lý sản phụ khoa, giáo dục sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, lựa chọn dịch vụ y tế phù hợp.		x
PLO 6	Tiên lượng phát hiện và xử trí được các cấp cứu sản phụ khoa, tình trạng bất thường của trẻ sơ sinh, giám sát kiểm tra, đánh giá cải tiến chất lượng khám chữa bệnh		x
PLO 7	Tổng hợp và cập nhật được kiến thức chuyên môn Sản phụ khoa trong chẩn đoán điều trị, tiên lượng và dự phòng tất cả bệnh lý trong sản phụ khoa.		x
PLO 8	Tham gia tổ chức, quản lý được các hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ y tế, công tác chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật.	x	x

PLO 9	Thực hiện thành thạo kỹ năng viết đề cương, thu thập, phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Sản Phụ khoa.	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 10	Chủ động đưa ra những sáng kiến, quyết định có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong vận hành và cải tiến hoạt động chuyên ngành Sản phụ khoa.	x	x
PLO 11	Thích ứng được với môi trường làm việc thay đổi, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong quá trình thực hành nghề nghiệp.	x	x
PLO 12	Chủ động học tập, nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	x

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	PLO 1	PLO 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PEO 1	x	x										
PEO 2			x	x								
PEO 3						x		x				
PEO 4							x		x			
PEO 5										x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

- Sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa I/ Bác sĩ nội trú hoặc 36 tháng kể từ khi tốt nghiệp Thạc sĩ và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề).

- Có đủ sức khỏe học tập và công tác theo quy định.
- Không giới hạn tuổi dự thi.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Các đối tượng ngoài biên chế Nhà nước nếu có nhu cầu học tập phải đóng kinh phí đào tạo và học phí theo đúng qui định của Nhà nước.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên học đủ thời gian và đạt được các kết quả các học phần theo yêu cầu.

Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu.

Không vi phạm nội quy trong quá trình học.

Hoàn thành các nghĩa vụ của người học đối với nhà trường.

Làm luận án:

Sau khi xem xét đề nghị của bộ môn, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận án chuyên khoa cấp II cho học viên và người hướng dẫn học viên thực hiện luận án. Luận án phải thể hiện được sự vận dụng phương pháp nghiên cứu, những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập và phương pháp giải quyết những vấn đề đã lựa chọn.

Người hướng dẫn luận án chuyên khoa II là giảng viên chuyên ngành có học hàm hoặc hoặc vị PGS, GS, CKII, TS có thâm niên từ 3 năm trở lên.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản: 9(11,3%)									
1.1	<i>Học phần/module bắt buộc: 9</i>									
1	HCPP4013	Phương pháp sư phạm y học	3 (2/1)	30	30					I
2	HCTH4013	Tin học ứng dụng	3(1/2)	15	60					I
3	HCPH4013	Phương pháp luận NCKH	3 (2/1)	30	30					I
II	Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ: 10 (12,5 %)									
2.1	<i>Học phần/module bắt buộc: 10 tín chỉ</i>									
4	SPUT4213	Ung thư	3(1/2)	15	60					I

5	SPHS4214	Hồi sức cấp cứu	4(2/2)	30	60					I
6	SPNT4213	Ngoại tiết niệu	3 (1/2)	15	60					I
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 50 (62,5 %)									
3.1	Học phần/module bắt buộc: 39 (48,8 %)									
7	SPSB4418	Sản bệnh	8(2/6)	30	180					I
8	SPTN4417	Thai nghén nguy cơ	7(2/5)	30	150					II
9	SPSK4419	Sản khó - Cấp cứu sản	9(3/6)	45	180					II
10	SPSS4413	Sơ sinh	3(1/2)	15	60					III
11	SPPK4419	Phụ khoa	9(3/6)	45	180					III
12	SPKH4413	Kế hoạch hóa gia đình	3(1/2)	15	60					III
3.2	Học phần/module tự chọn: 11 (13,8%)									
13	SPVS4515	Vô sinh hỗ trợ sinh sản	5(2/3)	30	90					III
14	SPCD4516	Chẩn đoán trước sinh	6(2/4)	30						III
IV	Ôn và thi tốt nghiệp: 3 (3,8 %)									
15	SPTN4613	Ôn và thi tốt nghiệp	3(1/2)	15	60					IV
V	Luận văn: 8 (10 %)									
16	SPLV4818	Luận văn tốt nghiệp	8	120	0					IV
TỔNG			80							

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

Năm thứ 1	Học kỳ 1	HCPP4013	HCTH4013	HCPH4013
	Học kỳ 2	SPUT4213	SPHS4214	SPNT4213
Năm thứ 2	Học kỳ 3	SPSB4418	SPTN4417	SPSK4419
	Học kỳ 4	SPSS4413	SPPK4419	SPKH4413
		SPVS4515	SPCD4516	
		SPTN4613	SPLV4818	

Ghi chú:

Khôi kiến thức cơ bản
Khôi kiến thức chuyên ngành
Tốt nghiệp

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP /Module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1	HCPP4013	H							H	M	M	M	M
2	HCTH4013								M	M	M	M	M
3	HCPH4013								H	H	M	M	M
4	SPUT4213		M	M	M				M	M	M	M	M
5	SPHS4214		M	M	M				M	M	M	M	M
6	SPNT4213		M	M	M				M	M	M	M	M
7	SPSB4418		H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M
8	SPTN4417		H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M
9	SPSK4419		H		H	H	H	H	M	M	M	M	M
10	SPSS4413		H		M	H	H	H	M	M	M	M	M
11	SPPK4419		H	H	H	H	M	H	M	M	M	M	M
12	SPKH4413		H		H	H	M	H	M	M	M	M	M
13	SPVS4515		H		H	H	M	H	M	M	M	M	M
14	SPCĐ4516		H		H	H	M	H	M	M	M	M	M
15	SPTN4613	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	M
16	SPLV4818	H	H					H	H	H	H	M	M

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
Thuyết trình	x	x								x	x	x
Thảo luận nhóm					x	x	x	x	x	x	x	x
Giảng dạy bằng ca bệnh				x	x	x				x	x	x
Hướng dẫn phẫu thuật /thủ thuật			x	x						x	x	x
Bình bệnh án						x	x			x	x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1, 2, 3, 4, 5,9,10,11,12	Điểm danh sự có mặt của người học trên lớp Mức độ tham gia các hoạt động học tập	10%
KTTX	1, 2, 3, 9,10,11,12	Tự luận, Chấm bệnh án	10%
Thi GHP	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10,11,12	Tự luận, Chấm chỉ tiêu lâm sàng	30%

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Thi KTHP	1,2,3,4, 5, 6, 7, 8, 9,10,11,12	Báo cáo chuyên đề, Thi thực hành trên bệnh nhân/Hỏi thi bệnh án	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Bảng kiểm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	
MCQ	x	x			x	x	x	x	x	x	x	
Giải quyết tình huống			x	x	x	x	x	x	x	x	x	
Viết chuyên đề	x	x					x		x	x	x	x
Chỉ tiêu LS			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế (2016)		Trường ĐHYD Hải Phòng (2013)		Trường ĐHYD TP HCM (2017)		Trường ĐHYD Thái Nguyên (2021)	
	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	12	12	12	12	10	10	9	11,25
Kiến thức cơ sở ngành	12	12	12	12	10	10	10	12,5
Kiến thức chuyên ngành	54	54	61	61	60	60	39	48,75
Tự chọn	0	0	0	0	0	0	11	13,75
Tốt nghiệp (LV tốt nghiệp)	22	22,00	15	15	20	20	11	13,75
Tổng	100	100	100	100	100	100	80	100

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

A. Khối kiến thức cơ bản

1. Phương pháp sư phạm y học

Học phần Phương pháp sư phạm y học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành, Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào CDR 1, 8 (mức độ cao); 9,10,11,12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2. Tin học ứng dụng

Học phần Tin học thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của môn Tin học và thực hành tin học ứng dụng trong soạn thảo văn bản, trình chiếu trong báo cáo

thuyết trình khoa học. Học phần này còn giảng dạy kiến thức về internet và cách sử dụng internet trong nghiên cứu khoa học, dạy sử dụng các thuật toán để xử lý số liệu giúp người học nghiên cứu khoa học và làm luận văn. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thực hành trên máy tính. Phương pháp lượng giá học phần là thi thực hành trên máy tính. Học phần này đóng góp vào CĐR 8,9,10,11,12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học trong Y học, dạy cho người học cách khai thác và sử dụng tài liệu tham khảo, cách viết các bài báo khoa học, cũng như viết luận văn tốt nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thực hành. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm vấn đáp, viết đề cương nghiên cứu, thi lý thuyết. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 8,9 (mức độ cao), CĐR 10,11,12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

1. Học phần Ung thư

Học phần Ung thư thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị Ung thư. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,8,9,10,11,12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2. Hồi sức cấp cứu

Học phần Hồi sức cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về lĩnh vực hồi sức cấp cứu trong sản khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,8,9,10,11,12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3. Ngoại tiết niệu

Học phần Ngoại tiết niệu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về lĩnh vực Ngoại tiết niệu. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,8,9,10,11,12 (mức độ trung bình của chương trình đào tạo).

C. Khối học phần chuyên ngành

1. Sản bệnh

Học phần Sản bệnh thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, xử trí, dự phòng một số bệnh lý sản khoa thường gặp, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật Sản khoa; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình, thực hành trên người bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu lâm sàng, bệnh án, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,9,10,11,12 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

2. Thai nghén nguy cơ

Học phần Thai nghén nguy cơ thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, xử trí, dự phòng một số bệnh lý Sản khoa chuyên sâu, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật cấp cứu khoa chuyên sâu; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,9,10,11,12 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

3. Sản khó - cấp cứu

Học phần Sản khó - cấp cứu thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, xử trí, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật cấp cứu Sản khoa; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,9,10,11,12 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,5,6,7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

4. Sơ sinh

Học phần Sơ sinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, xử trí, dự phòng, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật chăm sóc hồi sức sơ sinh thường gặp; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4,8,9,10,11,12 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,5,6,7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

5. Phụ khoa

Học phần Phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, xử trí, dự phòng một số bệnh lý Phụ khoa, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật cấp cứu phụ khoa; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học

phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6, 8,9,10,11,12(mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

6. Kế hoạch hóa gia đình

Học phần Kế hoạch hóa gia đình thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng về tư vấn và quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,9,10,11,12(mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,5, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

7. Vô sinh hỗ trợ sinh sản

Học phần vô sinh hỗ trợ sinh sản thuộc khối kiến thức chuyên ngành, tự chọn được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho học viên có kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán điều trị, dự phòng vô sinh nam nữ, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật ứng dụng trong điều trị vô sinh; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6, 8,9,10,11,12 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,5,7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

8. Chẩn đoán trước sinh

Học phần chẩn đoán trước sinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho học viên có kiến thức về tư vấn và quy trình khám thai, sàng lọc trước sinh; các phương pháp chẩn đoán trước sinh, đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các

phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6, 8,9,10,11,12(mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,5 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

9. Ôn và thi tốt nghiệp

Học phần Ôn và thi tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho học viên có kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, xử trí, dự phòng, quy trình các thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán điều trị cấp cứu và tất cả các bệnh lý Sản phụ khoa; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc và xã hội. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Phương pháp đánh giá người học là tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra chuẩn đầu ra 11,12 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1-10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

10. Luận văn tốt nghiệp

Học phần Luận văn tốt nghiệp là học phần bắt buộc, được thực hiện ở cuối năm thứ 2 dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Học viên ứng dụng các kiến thức về nghiên cứu khoa học, bệnh học, các thông tin cập nhật, các công trình nghiên cứu khoa học để hoàn thành luận văn của mình. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, báo cáo và năng lực nghiên cứu khoa học, tự chủ, chịu trách nhiệm được đánh giá cao nhất trong các học phần chuyên ngành. Phương pháp đánh giá người học được thực hiện bởi hội đồng khoa học đánh giá chất lượng của luận văn.. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7,10,11,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.





XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên: có 50 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 2 PGS, 9 Tiến sĩ, 19 Bác sĩ chuyên khoa cấp II và 20 giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung

ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang, Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh, Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội và các bệnh viện thực hành khác.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Đánh mã học phần, chỉnh sửa khung chương trình	30/5/2021	 Nguyễn Thị Hồng	 Nguyễn Thị Hồng
2	Bổ sung mô tả các học phần trong khung chương trình			
3	Chỉnh sửa theo ý kiến hội đồng sau nghiệm thu: ma trận, giảng viên giảng dạy chương trình, biểu đồ tiến trình dạy học	22/6/2021	 Nguyễn Thị Hồng	 Nguyễn Thị Hồng

XVI. Thành phần phê duyệt


Ban Giám hiệu

Hội đồng Khoa/Bộ môn

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng


Nguyễn Thị Hồng


Nguyễn Thị Hồng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

